TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2017
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Nguyễn Chí Vương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1989 (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp 3, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T sau khi tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào năm 2009 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham mê cờ bạc, đá gà và vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về mọi lĩnh vực. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị L làm đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có một người con chung tên L1, sinh ngày 09/5/2011, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chug và nợ chung: Anh T và chị L không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/6/2017, bị đơn T trình bày: Anh T thống nhất với phần trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, vợ chồng anh T và chị L không có mâu thuẫn, chỉ là vợ chồng có cãi nhau rồi chị L tự ý bỏ đi từ tháng 4/2017 mà trong thời gian 08 năm chung sống chị L đã nhiều lần bỏ nhà đi rồi lại về. Do đó trước yêu cầu ly hôn của chị L thì anh T không đồng ý vì anh T không có lỗi gì và anh T cũng muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn thì anh T đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị L là lâu dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; tại phiên tòa chị L trình bày vợ chồng có thỏa thuận với nhau về việc giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cũng như anh T vắng mặt, trong khi đó, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị L thống nhất giao con chung cho chị L nuôi dưỡng và tại phiên tòa chị L yêu cầu Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh T đang cư trú tại tổ 4, ấp 3, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh T đã có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L thống nhất vợ chồng sau thời gian tìm hiểu đã kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/KH quyển số 01/2012 ngày 29/3/2012. Tuy anh T và chị L không thống nhất về mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, cụ thể anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn còn chị L cho rằng anh T ham mê cơ bạc, đá gà; vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, quan niệm cũng như cách cư xử. Lời khai của chị L phù hợp với kết quả xác minh tại đại diện Ban quản lý ấp 3, xã M, huyện H với nội dung là *"chị L và*

anh T mâu thuẫn từ rất lâu với nguyên nhân do anh T hay tham gia đá gà, chị L là người hung dữ, chị L hay đánh anh T và ban ấp thường xuyên qua can ngăn và hòa giải nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng anh T chị L là trầm trọng, khó mà đoàn tụ được", bên cạnh đó bà T1 - là mẹ ruột của anh T xác định "*Hai vợ chồng T thỉnh thoảng cũng lời qua tiếng lại cãi vã vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, mỗi lần giận nhau thì chị L lại bỏ nhà đi từ 7 đến 10 ngày lại về. Tôi nhận thấy anh T còn thương chị L nhưng chị L cương quyết ly hôn vì chị L không còn thương anh T nữa*"; từ khi chị L bỏ nhà về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay thì anh T không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, níu kéo cuộc hôn nhân của anh chị cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và chị L thống nhất có một con chung tên L1, sinh ngày 09/5/2011, hiện cháu đang ở chung với anh T và anh T cũng thống nhất trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L và anh T ly hôn thì anh T đồng ý giao cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù tại phiên tòa chị L trình bày vợ chồng có thỏa thuận với nhau về việc giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cũng như anh T vắng mặt và tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi trưởng thành. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L1 cho đến khi trưởng thành của chị L được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 45, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của chị L, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L, sinh năm 1989 được ly hôn với anh T, sinh năm 1982; cùng trú tại tổ 4, ấp 3, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19/KH quyển số 01/2012 ngày 29/3/2012 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu L1, sinh ngày 09/5/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh T và chị L có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012105 ngày 09/5/2017.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Nhum